

**BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 9 THÁNG ĐẦU NĂM,
TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 3 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

A. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019:

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 03/12/2018 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 7 - khóa XI về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2019; được sự quan tâm của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh, sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, nhân dân và các doanh nghiệp trong tỉnh; UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện các mặt công tác trọng tâm sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH:

Trong 9 tháng đầu năm 2019, đồng chí Chủ tịch, các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các công tác trọng tâm sau:

- Đôn đốc triển khai các nhiệm vụ kế hoạch 2019 ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm. Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 9 tháng và cả năm 2019. Chuẩn bị chu đáo, đúng thời gian các kế hoạch, chương trình làm việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Đôn đốc triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; phân công các sở, ngành, các doanh nghiệp hỗ trợ huyện Kbang xây dựng nông thôn mới. Phê duyệt Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030. Triển khai kế hoạch liên kết hợp tác xã sản xuất sản phẩm nông nghiệp với Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao. Chỉ đạo tập trung triển khai các biện pháp phòng, ngăn chặn bệnh dịch tả lợn Châu Phi, dịch sâu keo mùa thu, khảm lá sắn; kịp thời xử lý, hỗ trợ chống dịch; rà soát, đề xuất bộ, ngành trung ương hỗ trợ nhân dân khắc phục thiệt hại do tiêu chết; tăng cường thực hiện công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, các biện pháp ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Tổ chức kiểm tra chất

lượng rừng trồng thời gian qua và đơn đốc triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2019. Rà soát, thu hồi quỹ đất của các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa và xây dựng phương án khai thác sử dụng có hiệu quả; công tác quản lý khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm; xử lý các vướng mắc trong việc cung cấp đất san lấp của các công trình xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước; tập trung công tác bảo vệ môi trường, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm; phát động phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh.

- Đơn đốc quyết liệt tiến độ thu ngân sách nhà nước, thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2019. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 1042/CD-TTg về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019; công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm; tập trung xử lý các vướng mắc đối với các dự án kêu gọi đầu tư; đơn đốc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án. Tổ chức Hội nghị gặp mặt doanh nghiệp đầu năm 2019; triển khai mô hình hợp tác xã kiểu mới, nông hội. Triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thực hiện cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đề án, chương trình phát triển du lịch. Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế lần thứ 2 về khảo cổ học tại thị xã An Khê; tổng kết 10 năm thực hiện Quyết tâm thư của Già làng các dân tộc khu vực Tây Nguyên; Lễ đón, truy điệu và an táng hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ ở Campuchia về nước. Tăng cường công tác phòng chống dịch sốt xuất huyết; kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm. Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2019. Giao bổ sung 1.201 chỉ tiêu số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục bậc học mầm non.

- Tổ chức thi tuyển công chức, viên chức giáo viên năm 2018. Tăng cường công tác đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động chống phá, truy quét các loại tội phạm, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lợi dụng các hoạt động vui chơi và giải trí, các trò chơi dân gian để cá cược, đánh bạc. Đẩy mạnh xử lý tình trạng cho vay tín dụng đen. Tăng cường tuần tra, kiểm soát giao thông, xử lý nghiêm vi phạm về trật tự an toàn giao thông. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 724/CD-TTg về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ. Tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025”. Triển khai kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh và cấp huyện năm 2019.

- Làm việc với các đoàn công tác của các bộ, ngành trung ương. Tham dự các hội nghị, hội nghị trực tuyến do Chính phủ và các bộ, ngành trung ương tổ chức. Trực tiếp kiểm tra, nắm tình hình, chỉ đạo giải quyết các vấn đề đột xuất phát sinh và các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

II. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, AN NINH - QUỐC PHÒNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019:

1. Về lĩnh vực kinh tế:

1.1. Nông lâm nghiệp:

- Tổng diện tích gieo trồng 9 tháng ước đạt 514.752 ha, đạt 99,2% kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực 9 tháng ước đạt 324.029 tấn⁽¹⁾. Nhìn chung diện tích gieo

¹ Trong đó: Cây lương thực 110.066 ha, đạt 89,7% kế hoạch (Thóc ước đạt 153.079 tấn, ngô đạt 170.950 tấn); cây tinh bột có củ 76.302 ha, đạt 112,87%; cây thực phẩm 47.704,6 ha, đạt 102%; cây công nghiệp ngắn ngày 41.951,1 ha, đạt 83,95%; cây hàng năm khác 9.520 ha, đạt 104,6 %.

trồng đảm bảo so với kế hoạch đề ra, các nhóm cây lương thực, cây thực phẩm giữ ổn định diện tích; các cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, tiêu,... chỉ tập trung trồng tái canh trên diện tích bị sâu bệnh, già cỗi, năng suất thấp, hướng đến phát triển bền vững, ổn định diện tích đi đôi với đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật canh tác để nâng cao năng suất, chất lượng. Công tác phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng được theo dõi thường xuyên, tuy nhiên trên địa bàn có 4.500 ha ngô bị sâu keo mùa thu gây hại, 4.442 ha sắn bị bệnh khảm lá virus gây hại.

Tổng diện tích tái canh cây cà phê là 2.526 ha, đạt 108,12% kế hoạch (trong đó: doanh nghiệp 238,2 ha; hộ gia đình 2.287,8 ha). Có 10/17 huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện chuyển đổi 631,6 ha (đạt 46,74% kế hoạch) đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường⁽²⁾.

- Chăn nuôi: Theo số liệu thống kê, đàn trâu có 14.427 con đạt 91,97% kế hoạch; đàn bò 390.827 con, đạt 95,55% kế hoạch; đàn heo 428.850 con, đạt 95,82% kế hoạch. Tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt khoảng 39.713 tấn, đạt 58,06% kế hoạch. Toàn tỉnh hiện có 13 dự án đầu tư chăn nuôi với 17.858 con lợn nái, 60 con lợn đực giống, 142.400 con lợn thịt, 4.829 con bò thịt, 6.843 con bò sữa, 900 tấn thức ăn gia súc/năm (trong đó có 7 dự án đã đi vào hoạt động, 6 dự án đang trong thời gian xây dựng). Dự báo tình hình phát triển chăn nuôi từ nay đến cuối năm có xu hướng chậm lại, đặc biệt là đàn heo do dịch tả lợn Châu Phi xảy ra làm cho người dân cảm chừng không dám tái đàn.

Về tình hình bệnh dịch tả lợn Châu Phi: Tính đến ngày 30/9/2019, trên địa bàn toàn tỉnh đã xảy ra tại 3.212 hộ, 370 thôn, 98 xã, phường, thị trấn của 15 huyện, thị xã, thành phố (Kông Chro và Đak Pơ chưa phát sinh dịch); với tổng số lợn mắc bệnh và tiêu hủy là 28.333 con, tổng trọng lượng 1.423,5 tấn. Có 24 xã, phường, thị trấn của 09 huyện, thị xã, thành phố dịch bệnh đã qua 30 ngày và đã công bố hết dịch⁽³⁾. UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo tập trung triển khai các biện pháp phòng, ngăn chặn dịch phát sinh, lây lan, hỗ trợ kinh phí cho người chăn nuôi, người tham gia chống dịch.

- Sản xuất lâm nghiệp: 9 tháng đầu năm trồng mới 1.882 ha rừng, đạt 37,5% kế hoạch (trong đó trồng rừng phòng hộ 314,4 ha, rừng sản xuất 1.232,4 ha, trồng cây phân tán 335,2 ha). Công tác chăm sóc rừng, khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh, khai thác rừng trồng đạt kế hoạch đề ra. Số thu dịch vụ môi trường rừng 9 tháng đầu năm ước đạt 64 tỷ đồng, bằng 48% kế hoạch. (có phụ lục 01 kèm theo).

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo triển khai các biện pháp phòng, chống cháy rừng trong, tuy nhiên vẫn xảy ra 08 vụ cháy rừng trong mùa khô, thiệt hại 91,35 ha⁽⁴⁾. 9 tháng đầu năm phát hiện 375 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp⁽⁵⁾, giảm 40 vụ so với cùng kỳ; đã xử lý hành chính 321 vụ, hình sự 32 vụ; tịch thu 598,72 m³ gỗ các loại và 98 phương tiện; thu nộp ngân sách trên 2,2 tỷ đồng. Triển khai thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm về công tác quản lý bảo vệ rừng, quản lý đất đai, quản lý tài

² Ngô 26 ha, rau; đậu các loại 238,6 ha; sắn 45 ha; lang, lạc, mía, dâu tằm 186,5 ha; cây ăn quả 6,6 ha; các loại cây hàng năm khác 157,7 ha.

³ Hiện còn 280 thôn/74 xã, phường, thị trấn của 13 huyện, TX, TP có lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi.

- UBND tỉnh đã tạm ứng 15,954 tỷ đồng cho các địa phương để hỗ trợ cho các hộ có lợn mắc bệnh, tiêu hủy.

⁴ Trong đó: Cháy lướt thảm thực bì 33,13 ha; cháy diện tích rừng trồng dặm (năm 2016) 0,52 ha; cháy rừng trồng chưa nghiệm thu thành rừng 25,2 ha; cháy cây keo, bờ lời của người dân 32,5 ha.

⁵ Trong đó phá rừng làm rẫy 38 vụ, chế biến gỗ và lâm sản trái phép 04 vụ, khai thác rừng trái phép 39 vụ, vi phạm quy định về mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản trái phép 282 vụ, vi phạm khác 12 vụ.

chính tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ka Nak, Lơ Ku, Kông Hđé và Ban quản lý rừng phòng hộ Đức Cơ. Bán đấu giá 942 m³/1.421 m³ gỗ tịch thu với số tiền là hơn 4,17 tỷ đồng.

1.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: UBND tỉnh đã phân bổ nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 cho các địa phương triển khai thực hiện. Huy động các nguồn lực từ nguồn tăng thu, kết dư, tiền sử dụng đất của địa phương, triển khai các giải pháp cụ thể để đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn và huyện điểm Kbang; tiếp tục triển khai xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đã thu hồi quyết định và bằng công nhận 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Ia Sao, huyện Ia Grai và xã Ia Krêl, huyện Đức Cơ) giai đoạn 2011 - 2015 chưa đạt 19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020. Đến nay, 58 xã đạt 19 tiêu chí; 9 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 60 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 57 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí; bình quân 01 xã đạt được 12,8 tiêu chí. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Hội đồng thẩm định Trung ương đã thẩm định và đánh giá thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch năm 2019 các địa phương đăng ký 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đến nay mỗi xã đạt bình quân 15,14 tiêu chí.

1.3. Công nghiệp: Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) 9 tháng đầu năm ước tăng 7,56% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước thực hiện 15.013,7 tỷ đồng, bằng 71,08% kế hoạch, tăng 8,44%; trong đó công nghiệp khai khoáng tăng 7,34%; công nghiệp chế biến chế tạo tăng 11,54%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng 2,08%; công nghiệp cung cấp nước, thu gom và xử lý rác thải tăng 6,57%⁽⁶⁾.

Khu Công nghiệp Trà Đa thu hút thêm 03 dự án với tổng vốn đăng ký 140 tỷ đồng và chấm dứt hoạt động đầu tư 01 dự án. Hiện có 50 nhà đầu tư triển khai 55 dự án (có 04 dự án FDI), tổng vốn đầu tư đăng ký 2.128 tỷ đồng; trong đó 38 dự án đã đi vào hoạt động. Giá trị sản xuất 9 tháng đầu năm ước đạt 2.287 tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ), nộp ngân sách nhà nước 38,6 tỷ đồng (tăng 78%), kim ngạch xuất khẩu đạt 28,7 triệu USD (giảm 79,4%), giải quyết việc làm cho 1.846 lao động (giảm 0,3%), với mức lương bình quân 5,1 triệu đồng/người/tháng. Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lê Thanh thu hút thêm 06 dự án với tổng vốn đăng ký 16,9 tỷ đồng và thu hồi chủ trương đầu tư 02 dự án. Hiện có 26 nhà đầu tư triển khai 32 dự án, tổng vốn đăng ký 401,7 tỷ đồng, có 10 dự án đã đi vào hoạt động, tổng doanh thu ước đạt 373,8 tỷ đồng. Kim ngạch xuất, nhập khẩu qua Cửa khẩu đạt 47,97 triệu USD, giảm 32,8%. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku, UBND tỉnh đã thành lập Khu công nghiệp Nam Pleiku, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đang hoàn thành các thủ tục để khởi công trong tháng 11/2019. Trên địa bàn tỉnh hiện có 08 cụm công nghiệp đã thu hút 48 dự án đầu tư, với tổng vốn đăng ký 1.000 tỷ đồng, có 26 dự án đã đi vào hoạt động.

⁶ Các sản phẩm tăng so với cùng kỳ: Điện sản xuất trên địa bàn tăng 1,47%, chè các loại tăng 6,54%, xi măng tăng gấp 13,6 lần, tinh bột sắn tăng 42,27%, phân vi sinh tăng 5,55%; đá Grannit tăng 1,01%, chế biến sữa tăng 58,17%...

- Các sản phẩm giảm so với cùng kỳ: Chế biến đường tinh chế giảm 43,14%, Sản phẩm MDF giảm 20,14%.

1.4. Đầu tư - Xây dựng:

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh 9 tháng đầu năm ước thực hiện 17.789,6 tỷ đồng, đạt 68,42% kế hoạch, tăng 11,4% so với cùng kỳ.

- Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 là 3.141,146 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/9/2019 khối lượng thực hiện đạt 1.823,27 tỷ đồng, bằng 58,04% kế hoạch, giải ngân đạt 1.894,47 tỷ đồng, bằng 60,31% kế hoạch. Công tác quản lý kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chỉ đạo tích cực; UBND tỉnh đã trực tiếp giải quyết các vướng mắc hàng tuần và đã làm việc với các chủ đầu tư, các địa phương chậm tiến độ, chỉ đạo kiểm điểm, phê bình một số sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư; tiến hành rà soát các dự án chậm tiến độ để điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư.

1.5. Thương mại - xuất nhập khẩu:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 9 tháng đầu năm ước đạt 49.521,8 tỷ đồng, bằng 72,5% kế hoạch, tăng 15,56% so cùng kỳ. Nhìn chung lượng hàng hóa dồi dào, đa dạng, đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân và cung ứng kịp thời đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là trong dịp lễ, tết. 9 tháng đầu năm, các lực lượng chức năng thuộc Ban chỉ đạo 389 tỉnh đã phát hiện 2.522 vụ vi phạm, khởi tố xử lý hình sự 53 vụ, xử lý vi phạm hành chính 2.249 vụ; xử phạt vi phạm và bán hàng hóa tịch thu với số tiền gần 40,4 tỷ đồng.

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9 giảm 0,15% so với tháng 8, tăng 0,55% so với cùng kỳ, tăng 1,09% so với cuối năm 2018⁽⁷⁾.

- Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng ước đạt 363,2 triệu USD, bằng 72,64% kế hoạch, tăng 3,77% so với cùng kỳ. Tuy giá các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực như cà phê, cao su, tiêu hạt... giảm so với cùng kỳ⁽⁸⁾, nhưng kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng ổn định do việc gia tăng xuất khẩu ở một số mặt hàng như hoa quả tươi, nước ép hoa quả, trái cây đóng hộp, hạt điều nhân, tinh bột sắn...

- Kim ngạch nhập khẩu 9 tháng ước đạt 68,5 triệu USD, bằng 76,11% kế hoạch, giảm 17,03% so với cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu giảm mạnh chủ yếu tập trung vào mặt hàng gỗ nguyên liệu, sắn lát.

1.6. Tài chính - Ngân hàng:

a) Tài chính:

- Thu ngân sách trên địa bàn 9 tháng đầu năm đạt 3.306,4 tỷ đồng, bằng 73,42% dự toán trung ương giao, bằng 67,41% dự toán HĐND tỉnh giao (bằng 66,13% kế hoạch phân đầu), giảm 1,04% so với cùng kỳ⁽⁹⁾. Có 12/17 địa phương có số thu đạt và vượt kế hoạch. (có phụ lục số 2 kèm theo)

⁷ Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 05 nhóm hàng giảm so với tháng trước: Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 3,15%; giao thông giảm 1,37%; hàng may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,39%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,11%; hàng ăn uống giảm 0,06%. Có 02 nhóm hàng tăng: Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,02%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,01%. Có 04 nhóm hàng bình ổn: Nhóm đồ uống và thuốc lá; thuốc và dịch vụ y tế; bưu chính, viễn thông; giáo dục.

⁸ Giá cà phê thu mua nội địa 33.000 đồng/kg, giá xuất khẩu bình quân 1.600 USD/tấn giảm gần 10% so với cùng kỳ. Giá cao su xuất khẩu bình quân 1.490 USD/tấn, giảm hơn 5%.

⁹ Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương đạt 56,73% dự toán HĐND tỉnh giao; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 86,87%, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 257,39%, thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 65,1%, thu thuế bảo vệ môi trường đạt 70,53%, thu tiền sử dụng đất đạt 72,61%.

- Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng đạt 9.018,19 tỷ đồng, bằng 73,42% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 20,74% so với cùng kỳ. UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi ngân sách, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và theo dự toán được giao; kịp thời bổ sung kinh phí cho các nhiệm vụ cấp bách.

Các kết luận của Kiểm toán nhà nước được triển khai thực hiện nghiêm túc. Việc khắc phục kiến nghị của Kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2012 đạt 94%, năm 2014 đạt 99%, năm 2015 đạt 99,58%, năm 2016 đạt 99,12%, năm 2017 đạt 61,5%.

b) Ngân hàng: Ngành ngân hàng tiếp tục triển khai các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi như: Cho vay tái canh cà phê, hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, tưới tiết kiệm nước, chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, chương trình bình ổn thị trường, cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa... Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đến hết tháng 9 ước đạt 35.400 tỷ đồng, tăng 4,2% so với cùng kỳ; tổng dư nợ cho vay 89.800 tỷ đồng, tăng 7,4% (nguồn vốn tín dụng 5.000 tỷ đồng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dư nợ đạt 15,8 tỷ đồng với 680 khách hàng); nợ xấu chiếm 3,25% tổng dư nợ, tăng 1,29% so với cùng kỳ⁽¹⁰⁾. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình cho vay hỗ trợ.

1.7. Giao thông vận tải: Tăng cường năng lực vận tải, bảo đảm an toàn kỹ thuật phương tiện, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo thuận lợi tối đa cho nhân dân, nhất là trong dịp Tết, các đợt nghỉ lễ. Tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh vi phạm về chở hàng quá khổ, quá tải, kiểm tra tốc độ vận hành của phương tiện kinh doanh vận tải⁽¹¹⁾; tập trung duy tu, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông nhằm đảm bảo an toàn giao thông trong mùa mưa bão. Doanh thu vận tải 9 tháng đầu năm ước đạt 4.197 tỷ đồng, bằng 64,79% so với kế hoạch, tăng 12,12% so với cùng kỳ⁽¹²⁾.

1.8. Tài nguyên và Môi trường: Hoàn thành phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện cho 17/17 huyện, thị xã và thành phố. Triển khai xây dựng bảng giá đất 2020-2024. 9 tháng đầu năm đã giao đất cho 42 tổ chức, với tổng diện tích 456,81 ha; cho 37 tổ chức thuê đất với tổng diện tích 1.905,79 ha. Cấp 04 giấy phép thăm dò khoáng sản; 13 giấy phép khai thác khoáng sản; đóng cửa 01 khu vực mỏ khoáng sản; phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản 03 khu vực mỏ. Cấp 03 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, 05 giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, 01 giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường 13 dự án. Tiếp tục triển khai Đề án điều tra, đánh giá khoanh định vùng cấm và vùng hạn chế khai thác sử dụng nước dưới đất. Tập trung kiểm tra, xử lý các hành vi vi

¹⁰ Trong 9 tháng đầu năm có 01 chi nhánh ngân hàng mới đi vào hoạt động (Chi nhánh Ngân hàng TMCP Phương Đông). Trên địa bàn hiện có 24 chi nhánh ngân hàng thương mại, 01 chi nhánh ngân hàng Hợp tác xã, 01 chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội, 01 chi nhánh ngân hàng phát triển và 06 quỹ tín dụng nhân dân với 138 điểm giao dịch. Có 186 máy ATM và 952 POS; có 1.895 đơn vị hưởng lương ngân sách nhà nước thực hiện trả lương qua tài khoản với 60.796 thẻ.

¹¹ Kiểm tra 628 lượt phương tiện, phát hiện 348 phương tiện vi phạm; xử phạt đối với 140 tổ chức và 392 cá nhân với số tiền trên 2,5 tỷ đồng; tước quyền sử dụng có thời hạn 143 loại giấy tờ có liên quan; hạ tải 353 tấn hàng hóa.

¹² Vận chuyển hàng hoá ước đạt 19,77 triệu tấn, bằng 70,36% kế hoạch, tăng 12,7% so cùng kỳ; khối lượng luân chuyển ước đạt 3.282 triệu tấn/km, bằng 72,45% kế hoạch, tăng 12,66%. Vận chuyển hành khách ước đạt 17,07 triệu hành khách, bằng 76,56% kế hoạch, tăng 12,21%; luân chuyển hành khách ước đạt 2.606 triệu hành khách/km, bằng 76,31 kế hoạch, tăng 12,26%.

phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khai thác khoáng sản. Kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện phong trào "Chống rác thải nhựa" trên địa bàn tỉnh.

Đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đạt 97,54%, với diện tích 999.678,2 ha và 817.791 giấy (đất tổ chức đạt 99,99%, đất hộ gia đình, cá nhân đạt 94,09%). (có phụ lục số 3 kèm theo)

1.9. Thực hiện tốt cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Theo kết quả công bố sơ bộ dân số trên địa bàn tỉnh có đến ngày 01/4/2019 là 1.513.847 người (trong đó: thành thị 438.062 người, nông thôn 1.075.785 người), dân tộc thiểu số 699.791 người (chiếm 46,23%).

2. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp:

- UBND tỉnh đã rà soát, phân tích đánh giá cụ thể từng tiêu chí, các mặt yếu kém của từng sở, ngành, địa phương để chỉ đạo xây dựng kế hoạch khắc phục từng tiêu chí của Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố)⁽¹³⁾ và Bộ chỉ số cải cách hành chính năm 2018 (do Bộ Nội vụ công bố)⁽¹⁴⁾; công bố kết quả xếp hạng cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh. Nhìn chung, công tác cải cách hành chính trong một số lĩnh vực bước đầu đã phát huy hiệu quả. Ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương của tỉnh Gia Lai (DCCI).

- Đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Kế hoạch triển khai NQ 139/NQ-CP về cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp để chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện ngay từ đầu năm. Lắng nghe và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Mời đại diện các hiệp hội doanh nghiệp tham dự các hội nghị có liên quan của tỉnh, hội nghị của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương để doanh nghiệp nắm, tham gia, đồng hành trong quá trình triển khai thực hiện. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp được tham gia các hội chợ, triển lãm, góp phần quảng bá sản phẩm; tổ chức đối thoại định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là trong công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục có chuyển biến tích cực; tăng cường công khai thông tin lên Cổng/Trang thông tin điện tử, công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh. Kien toàn Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai. Các sở, ngành, địa phương đã cung cấp hơn 2.044 thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 2; 326 thủ tục mức độ 3 và 126 thủ tục mức độ 4. Đã thực hiện chuyển giao 05 Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND cấp huyện sang Bưu điện huyện (Ia Grai, Mang Yang, Chư Sê, Krông Pa và Pleiku), bước đầu đã phát huy hiệu quả.

- Trong 9 tháng có 610 doanh nghiệp và 285 chi nhánh thành lập mới, đạt 67,78% kế hoạch (tăng 16,6% so với cùng kỳ); tổng vốn đăng ký 3.865 tỷ đồng (tăng 22,3%); xử lý giải thể 74 doanh nghiệp và 114 đơn vị trực thuộc (tăng 13,8%); có 141 doanh nghiệp và 32 đơn vị trực thuộc tạm ngưng hoạt động (tăng 23,6%); 92 doanh nghiệp và 20 đơn vị trực thuộc đăng ký hoạt động trở lại (tăng 30,4%). Toàn tỉnh hiện

¹³ Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2018 của tỉnh đứng thứ 33 toàn quốc, đứng thứ 2 khu vực Tây Nguyên, tăng 10 bậc so với năm 2017; điểm tổng hợp đạt 63,08 điểm, tăng 2,17 điểm.

¹⁴ Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) năm 2018 của tỉnh đứng thứ 50/63 tỉnh, thành phố, với chỉ số trung bình đạt 74,56, bằng vị trí xếp hạng năm 2017 và đứng thứ 3 khu vực Tây Nguyên

có 5.568 doanh nghiệp đăng ký hoạt động với tổng vốn đăng ký hơn 93.923 tỷ đồng. (có phụ lục số 4 kèm theo).

- Tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện hỗ trợ các nhà đầu tư tìm hiểu, khảo sát, thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh. Trong 9 tháng đầu năm có 28 dự án được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, với tổng vốn đăng ký 2.236 tỷ đồng. Có 80 dự án được các nhà đầu tư quan tâm, đề xuất thực hiện, với tổng vốn đăng ký khoảng 31.000 tỷ đồng. Ngoài ra, UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bổ sung quy hoạch 12 dự án điện mặt trời, với tổng công suất 805 MWp và 22 dự án điện gió, với công suất 3.418,4 MW; đồng ý chủ trương khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ bổ sung quy hoạch 20 dự án điện mặt trời, với tổng công suất dự kiến 3.095,5 MWp và 44 dự án điện gió, với công suất dự kiến 6.311 MW⁽¹⁵⁾.

- Công tác phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được chỉ đạo quyết liệt và có nhiều chuyển biến. 9 tháng đầu năm đã thành lập mới 43 hợp tác xã, 01 liên hiệp hợp tác xã, củng cố hoạt động 01 hợp tác xã và giải thể 05 hợp tác xã. Toàn tỉnh hiện có 251 hợp tác xã (trong đó 241 hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012⁽¹⁶⁾, 10 hợp tác xã chưa chuyển đổi). Tổ chức Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Trung ương về kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh. Triển khai liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản với Công ty cổ phần Đồng Giao. Tập trung triển khai thực hiện các mô hình hợp tác xã kiểu mới, nông hội trên địa bàn tỉnh.

3. Về văn hoá - xã hội:

3.1. Giáo dục - Đào tạo: Nhiệm vụ năm học 2018-2019 đã được toàn ngành giáo dục và các địa phương thực hiện nghiêm túc, tích cực, đạt kết quả khá toàn diện. Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 diễn ra an toàn, đúng quy chế với tỷ lệ tốt nghiệp toàn tỉnh (sau phúc khảo) là 90,78%, trong đó hệ giáo dục phổ thông đạt 94,25%, hệ giáo dục thường xuyên đạt 42,31%. Đã tập trung chuẩn bị cơ sở vật chất, trường, lớp, trang thiết bị dạy học và 100% trường học của tỉnh đã khai giảng năm học mới 2019-2020 đúng theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, so với năm học 2018-2019 giảm 16 trường⁽¹⁷⁾. Thực hiện đúng, kịp thời các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh và nhà giáo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo nhu cầu học tập cho học sinh, không có học sinh nào nghỉ học vì thiếu trường, thiếu lớp. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 88,4%, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp THCS đạt 88,8%. Hiện có 322 trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia, đạt 41,71%⁽¹⁸⁾.

3.2. Y tế, dân số và kế hoạch hoá gia đình:

- Mạng lưới và nguồn lực y tế tiếp tục được củng cố và phát triển. Toàn tỉnh hiện có 4.050 giường bệnh, đạt tỷ lệ 26,4 giường bệnh/vạn dân; có 1.250 bác sỹ, đạt

¹⁵ Đã phê duyệt bổ sung quy hoạch 03 dự án điện mặt trời, tổng công suất là 158MWp (trong đó: Dự án điện mặt trời Krông Pa, công suất 69 MWp đã đưa vào vận hành phát điện vào tháng 11/2018; dự án điện mặt trời Chư Ngọc - EVNLICOGI16, công suất 40 MWp đã đưa vào vận hành phát điện giai đoạn 1 vào tháng 6/2019; dự án điện mặt trời Krông Pa 2, công suất 49 MWp đang triển khai công tác đền bù GPMB và các thủ tục đầu tư xây dựng.); 01 dự án điện gió, tổng công suất là 50MW.

¹⁶ Gồm: 188 HTX nông nghiệp, 26 HTX vận tải, 10 HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 06 HTX xây dựng, 05 HTX thương mại và 06 quỹ tín dụng nhân dân; với 17.521 thành viên và giải quyết việc làm cho 1.822 lao động, doanh thu ước đạt 81,3 tỷ đồng.

¹⁷ Toàn tỉnh hiện có 772 trường mầm non và phổ thông (263 trường mầm non; 224 trường tiểu học; 235 trường THCS; 50 trường THPT).

¹⁸ Gồm: 98 trường mầm non, 108 trường tiểu học, 101 trường THCS, 15 trường THPT.

tỷ lệ 7,6 bác sĩ/vạn dân; 89% số xã có bác sĩ; 100% số xã có nữ hộ sinh. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 80,63%.

- 9 tháng đầu năm không xảy ra dịch lớn trên địa bàn; các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có khả năng gây dịch và các bệnh lây truyền qua đường máu, đường tiêu hóa và đường hô hấp đa số giảm so với cùng kỳ. Tuy có gia tăng số ca mắc sởi, sốt rét và sốt xuất huyết¹⁹ nhưng hầu hết được kiểm soát và không chế tốt, không để phát sinh thành dịch; không ghi nhận ca mắc các dịch bệnh mới nổi như Cúm A, MERS-CoV, Ebola, bệnh do virus Zika. Việc cung ứng thuốc, vắc xin và vật tư y tế cho phòng chống dịch, khám chữa bệnh cơ bản được đảm bảo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm; đã kiểm tra 188 cơ sở, phát hiện 48 cơ sở vi phạm. 9 tháng đầu năm, xảy ra 03 vụ ngộ độc thực phẩm với 45 người mắc, tử vong 01.

3.3. Văn hoá - Thể thao - Du lịch:

- Các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán, các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện nổi bật của tỉnh được tổ chức chu đáo. Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc được chú trọng; đã tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế về khảo cổ học năm 2019 tại thị xã An Khê; Hội thi Văn hóa - Thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai lần thứ III năm 2019. Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới hoạt động Bảo tàng gắn với phát triển du lịch của tỉnh; đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thoả thuận cấp phép khai quật khảo cổ tại thị xã An Khê cho Viện Khảo cổ học Việt Nam; kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh năm 2019; khảo sát, nghiên cứu văn hoá truyền thống tại khu vực dự kiến xây dựng công viên địa chất tỉnh Gia Lai.

- Đa dạng hóa các hoạt động thể dục thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện của nhân dân. Đã tổ chức các giải thể thao trên địa bàn và tham gia các giải thể thao khu vực, toàn quốc theo kế hoạch, nổi bật như: Vòng chung kết giải bóng đá U19 Quốc gia; giải Võ thuật cổ truyền mở rộng khu vực miền Trung - Tây Nguyên; ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; giải Đua xe đạp tranh Cúp Truyền hình TPHCM năm 2019 (chặng đua đi qua tỉnh Gia Lai),...

- Hoạt động quảng bá xúc tiến, liên kết phát triển du lịch được chú trọng. Tổ chức biên soạn tài liệu, các câu chuyện liên quan đến sự hình thành các điểm du lịch, các sự tích, truyền thuyết về văn hóa, lịch sử của địa phương để tạo sự hấp dẫn trong công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch; phát động thi Slogan và Logo du lịch tỉnh Gia Lai. Phối hợp tổ chức hội nghị xây dựng “Kế hoạch phát triển du lịch khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam”. Quảng bá tiềm năng du lịch tỉnh tại Hội chợ Du lịch quốc tế thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, hội thi thi ẩm thực tại Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột năm 2019,... chương trình S Việt Nam phát sóng 5 tập phim quảng bá du lịch Gia Lai trên VTV1 và VTV4. 9 tháng đầu năm có 566.000 lượt khách du lịch đến tỉnh, đạt 67% kế hoạch, tăng 26,1% so với cùng kỳ (có 11.300 lượt khách quốc tế, tăng 16,7%). Doanh thu du lịch ước đạt 261 tỷ đồng tăng 23,1%.

3.4. Thông tin - truyền thông - Phát thanh truyền hình:

- Cơ sở hạ tầng, các thiết bị thuộc mạng lưới bu-rơ chính viễn thông trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định; các doanh nghiệp viễn thông đã đảm bảo an toàn thông tin liên lạc các dịp tết, lễ. Toàn tỉnh có 1.650 trạm thu phát sóng (BTS), trong đó có 11 trạm điều khiển thông tin di động (BSC). Tỷ lệ thuê bao điện thoại đạt 91,29% thuê bao/100

¹⁹ Gồm: Sởi tăng 487 trường hợp, sốt rét tăng 615 trường hợp, sốt xuất huyết tăng 6.268 trường hợp (02 trường hợp tử vong).

dân; tỷ lệ sử dụng Internet đạt 51,46%. Doanh thu bưu chính, viễn thông 9 tháng đầu năm ước đạt 1.211 tỷ đồng, đạt 71,03% kế hoạch, tăng 1,52% so với cùng kỳ.

- Toàn tỉnh hiện có 04 cơ quan báo chí địa phương và 22 cơ quan có văn phòng đại diện hoặc phóng viên thường trú. UBND tỉnh đã thực hiện đúng quy định về hợp báo định kỳ, cung cấp cho các cơ quan báo chí thông tin chính thức, làm rõ những vấn đề được dư luận xã hội quan tâm. Hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh truyền hình đã tập trung tuyên truyền việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động chính trị, các hoạt động chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm. Báo Gia Lai phát hành 222 kỳ với 1.972.367 tờ. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phát thanh 9.964,5 giờ, truyền hình 30.917 giờ (trong đó tiếng Bahnar và tiếng Jrai 546 giờ). Hiện có 163/222 xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh không dây, bước đầu đi vào hoạt động hiệu quả.

3.5. Lao động - Thương binh và Xã hội:

- 9 tháng đầu năm đã giải quyết việc làm cho 19.650 lao động, đạt 77,97% kế hoạch, tăng 1,8% so với cùng kỳ (trong đó xuất khẩu lao động 1.175 người). Tuyển sinh đào tạo 7.426 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề (tỷ lệ qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp) ước đạt 33,85%, tăng 0,85% so với cùng kỳ.

- Tổ chức trọng thể Lễ đón, truy điệu 17 hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Campuchia về an táng tại Nghĩa trang liệt sĩ Đức Cơ; Lễ truy điệu và an táng 61 hài cốt liệt sĩ hy sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ tại Nghĩa trang liệt sĩ thị xã An Khê. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước cho đối tượng thụ hưởng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Đến cuối năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,3% so với năm 2017, còn 10,04%; tỷ lệ hộ cận nghèo 10,06%. UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chương trình, với nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu năm 2019, giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phân bổ kịp thời các nguồn vốn, triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện chương trình.

- 9 tháng đầu năm đã thực hiện chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp 1.960,4 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ. Thu bảo hiểm các loại 1.756,9 tỷ đồng, tăng 11,4%. Toàn tỉnh hiện có 81.243 người tham gia bảo hiểm xã hội, chiếm 9,99% lực lượng lao động (có 3.415 người tham gia BHXH tự nguyện); 63.364 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 7,8% lực lượng lao động; 1.331.806 người tham gia bảo hiểm y tế, chiếm 90,1% dân số của tỉnh. Nợ đọng các loại bảo hiểm trên 176,6 tỷ đồng, chiếm 7,4% tổng số phải thu.

3.6. Khoa học và Công nghệ: Tiếp tục quản lý, theo dõi 31 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, 07 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi và 01 nhiệm vụ thuộc Chương trình Quỹ gen; lựa chọn 17 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện năm 2019; nghiệm thu 06 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; cấp 18 giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ; cấp 19 giấy phép tiến hành công việc bức xạ trong sử dụng thiết bị X-Quang; cấp 10 chứng chỉ nhân viên bức xạ; hướng dẫn 06 doanh nghiệp lập hồ sơ đăng ký mã số mã vạch, 01 doanh nghiệp công bố hợp chuẩn. Đã tư vấn, hướng dẫn 140 tổ chức, cá nhân về đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; kiểm định và hiệu chuẩn 6.157 phương tiện đo lường, thử nghiệm 870 mẫu sản phẩm hóa lý và hóa sinh; kiểm định máy X-quang trong y tế tại 27 cơ sở. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ chuẩn bị các nội dung tổ chức chuỗi sự kiện “Trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ” và Hội nghị “Ứng dụng chuyển giao công nghệ năm 2019”.

3.7. Công tác dân tộc, tôn giáo:

- Các chương trình, chính sách dân tộc được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời. Triển khai hỗ trợ các mặt hàng chính sách theo chương trình đảm bảo xã hội; đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất cho 65 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và 238 thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số”; tổ chức khảo sát về tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số và mở lớp tập huấn xây dựng mô hình điểm tại một số địa phương. Phối hợp tổ chức thành công Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Quyết tâm thư của Già làng các dân tộc khu vực Tây Nguyên. Đã hoàn thành Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện. Chuẩn bị các điều kiện tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ III - năm 2019.

- Các ngành, địa phương đã tạo điều kiện và giải quyết kịp thời các nhu cầu chính đáng của tổ chức và cá nhân tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật.

3.8. Công tác phối hợp giữa UBND tỉnh với Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức hội, đoàn thể tiếp tục được chú trọng trong việc tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Phối hợp chặt chẽ trong phát huy dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tích cực phối hợp trong cải cách hành chính; đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với dịch vụ hành chính công để tạo chuyển biến mạnh từ tỉnh đến xã. Thúc đẩy các hoạt động an sinh xã hội, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường và tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng ngừa, phát hiện tố giác tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị tỉnh triển khai thực hiện Chương trình phối hợp hành động năm 2019.

4. Lĩnh vực nội chính:

4.1. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, quốc phòng, quân sự địa phương:

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục được giữ vững ổn định; các lực lượng chức năng duy trì nghiêm kỷ luật quân đội, chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra canh gác bảo đảm an toàn, tăng cường bám địa bàn, nắm dân và phối hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở thực hiện các biện pháp công tác bảo vệ biên giới, ngăn chặn vượt biên, quản lý tạm trú tại khu vực biên giới; gọi hỏi, răn đe các đối tượng liên quan hoạt động Fulro, “Tin lành Đê ga”, tà đạo “Hà Mòn”; bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa 3 lực lượng công an, quân sự, biên phòng. Tổ chức tốt lễ giao, nhận quân năm 2019 trên địa bàn toàn tỉnh. Xây dựng và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh và cấp huyện năm 2019.

4.2. Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội:

- Phạm pháp hình sự: 9 tháng đầu năm xảy ra 648 vụ; làm chết 31 người, bị thương 125 người; tổng thiệt hại về tài sản khoảng 15 tỷ đồng; tăng 06 vụ so với cùng kỳ, tăng 05 người chết, giảm 20 người bị thương. Không để xảy ra tội phạm có tổ chức, các vụ trọng án giảm. Tuy nhiên, tội phạm giết người tăng, xảy ra một số vụ đối tượng sử dụng hung khí, vũ khí để giải quyết mâu thuẫn, trả thù cá nhân; tội phạm liên quan đến tín dụng đen, đòi nợ thuê tiếp tục diễn biến phức tạp tại một số địa bàn.

Đã điều tra làm rõ 500/680 vụ (tiếp nhận điều tra 19 vụ, mở rộng điều tra 13

vụ), đạt tỷ lệ 73,53%, làm rõ 929 đối tượng, bắt 547 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá khoảng 2,5 tỷ đồng; khởi tố 770 vụ, 1105 bị can; kết luận điều tra, chuyển viện kiểm sát đề nghị truy tố 590 vụ, 1.007 bị can; đình chỉ điều tra 23 vụ, 26 bị can; tạm đình chỉ điều tra 136 vụ, 31 bị can; phục hồi điều tra 29 vụ, 37 bị can.

- Tai nạn giao thông: Trong 9 tháng đầu năm xảy ra 252 vụ tai nạn giao thông, làm chết 162 người, bị thương 243 người; so với cùng kỳ giảm 32 vụ (-11,27%), giảm 24 người chết (-12,9%), giảm 60 người bị thương (-19,8%). Nguyên nhân tai nạn giao thông chủ yếu do ý thức chấp hành pháp luật giao thông của một bộ phận người tham gia giao thông còn thấp; tai nạn giao thông liên quan đến người dân tộc thiểu số xảy ra nhiều (chiếm 42,5%), phương tiện gây tai nạn chủ yếu là mô tô (chiếm 65,08%), phần lớn xảy ra trên các tuyến quốc lộ (chiếm 53,97%). Phát hiện 77.732 trường hợp vi phạm, xử phạt 73.166 trường hợp, với số tiền 28,8 tỷ đồng.

- Tội phạm ma túy: Phát hiện 194 vụ (529 đối tượng) mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép ma túy (tăng 36 vụ so với cùng kỳ), tập trung chủ yếu ở thành phố Pleiku (100 vụ). Đáng chú ý tình trạng các đối tượng lợi dụng các cơ sở kinh doanh như khách sạn, nhà trọ, quán bar, karaoke để hoạt động phạm tội, gây khó khăn cho công tác quản lý, phát hiện của lực lượng chức năng.

- Tai, tệ nạn khác: Xảy ra 48 vụ cháy, làm chết 02 người, bị thương 01 người, thiệt hại về tài sản khoảng 12,4 tỷ đồng. Tự tử 87 vụ, làm chết 87 người. Đuối nước 50 vụ, chết 61 người. Xảy ra 05 vụ nổ, làm chết 02 người, bị thương 07 người. 68 vụ tai nạn khác, làm chết 51 người, bị thương 24 người.

4.3. Công tác nội vụ: Chỉ đạo đánh giá hiệu quả và tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Trung ương và Tỉnh. Thực hiện đúng quy định, kịp thời công tác quản lý nhà nước về chính quyền địa phương, công tác cán bộ, quản lý tuyển dụng công chức viên chức, chính sách đối với cán bộ công chức như quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, nâng lương, chuyển nâng ngạch, kỷ luật,... Tổ chức thi tuyển công chức, viên chức giáo viên năm 2018 của tỉnh. Phát động phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025”, chống tham nhũng vặt.

Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp đã tích cực hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua sâu rộng, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương; nhất là phát động phong trào thi đua kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969- 2019).

4.4. Công tác tư pháp: Việc tuyên truyền, triển khai các văn bản pháp luật mới được thực hiện kịp thời. Ban hành Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai công tác, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm đã thẩm định, góp ý 246 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xác minh 4.914 hồ sơ, cấp 4.796 phiếu lý lịch tư pháp; thực hiện trợ giúp pháp lý 363 vụ việc.

4.5. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng:

- Triển khai 102 cuộc thanh tra về quản lý, sử dụng ngân sách; việc trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng, quản lý sử dụng đất lâm nghiệp; việc mua sắm vật tư, trang thiết bị y tế, đấu thầu thuốc chữa bệnh và thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại 106 đơn vị. Đã kết thúc 78 cuộc tại 82 đơn vị, phát

hiện sai phạm và kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 7,97 tỷ đồng tại 56 đơn vị; phát hiện và kết luận việc các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty lâm nghiệp để mất, bị lấn chiếm 1.251 ha đất rừng tự nhiên và 16,7 ha đất rừng trồng; chuyển cơ quan điều tra 02 vụ. Đã tổ chức kiểm điểm và xem xét trách nhiệm đối với 19 tập thể, 86 cá nhân, trong đó khiển trách 01 tập thể, 22 cá nhân, cảnh cáo 08 cá nhân, cách chức 01 cá nhân. Đã thu hồi nộp vào ngân sách số tiền gần 6,5 tỷ đồng.

- Trong 9 tháng đầu năm các ngành, các cấp đã tiếp 2.866 lượt công dân (tiếp thường xuyên 1.663 lượt; Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp tiếp công dân định kỳ 1.203 lượt). Tiếp nhận 181 đơn khiếu nại, tố cáo, giảm 32 đơn so với cùng kỳ, có 82 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết (bao gồm 11 đơn năm 2018 chuyển sang), đã xác minh, giải quyết 68 vụ; ngoài ra các ngành, các cấp đã tiếp nhận và xử lý 1.759 đơn kiến nghị.

4.6. Ngoại vụ: Duy trì tốt mối quan hệ truyền thống với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Tăng cường công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế, nhất là ngoại giao kinh tế, xúc tiến đầu tư, thúc đẩy quan hệ hợp tác theo phương châm đa dạng hóa đối tác, lĩnh vực đối tác. Thực hiện chu đáo công tác đón tiếp khách nước ngoài (9 tháng đầu năm có 76 đoàn 532 khách nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh); một số tổ chức, doanh nghiệp của Hàn Quốc, Nhật Bản đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh. Thực hiện chặt chẽ, đúng quy định công tác quản lý đoàn ra. UBND tỉnh cử và cho phép 40 đoàn với 255 lượt cán bộ, công chức đoàn đi công tác, bồi dưỡng, dự hội nghị, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm tại một số quốc gia, khu vực.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã được UBND tỉnh triển khai kịp thời. 9 tháng đầu năm, kinh tế - xã hội có bước phát triển. Giá trị sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, nguồn vốn huy động - cho vay ngân hàng, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đều tăng so với cùng kỳ. Công tác quản lý, bình ổn giá cả, phòng chống gian lận thương mại được triển khai quyết liệt; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (CPI), môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện; nhiều doanh nghiệp lớn, nhà đầu tư nước ngoài quan tâm tìm hiểu đầu tư tại tỉnh; một số dự án đầu tư trọng điểm đã khánh thành, chuẩn bị khởi công; số doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập mới tăng khá. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, thông tin - truyền thông tiếp tục có bước phát triển; quan tâm và chăm lo các gia đình chính sách, người có công, đối tượng xã hội cộng đồng. Công tác cải cách hành chính được quan tâm, các vấn đề bức xúc xã hội được tập trung xử lý; tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí. Công tác đối ngoại được tăng cường. An ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương trong thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và phương châm hành động của tỉnh “Siết chặt kỷ cương hành chính, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao chất lượng tham mưu, phối hợp của các cấp, các ngành” chưa nghiêm. Diễn biến thời tiết không thuận lợi; bệnh dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 15 huyện, thị xã, thành phố; xảy ra bệnh sâu keo mùa thu trên cây ngô, bệnh khảm lá virus trên cây sắn; các chương trình, dự án trong lĩnh vực nông nghiệp tuy có cố gắng nhưng vẫn chậm, chưa hình thành được mô hình điểm để nhân rộng; còn xảy ra cháy rừng, tình trạng phá rừng vẫn còn diễn ra ở một số địa phương. Thu ngân sách chưa đạt tiến độ; nợ

xấu tăng cao. Các sở, ngành còn lúng túng trong đề xuất tháo gỡ vướng mắc cho một số dự án kêu gọi đầu tư; cải cách hành chính tuy có tiến bộ nhưng chưa đạt như kỳ vọng, nhất là ở cơ sở. Phạm pháp hình sự, nhất là tội phạm giết người tăng, một số vụ tính chất manh động; an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Tình trạng vay tín dụng đen, lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn xảy ra ở một số địa phương.

B. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2019:

I/ Công tác chỉ đạo, điều hành:

1. Từng ngành, từng cấp, đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ để xây dựng các chương trình, triển khai các giải pháp, kế hoạch cụ thể, xác định rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện 03 tháng cuối năm để quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2019 đã đề ra tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 03/12/2018 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh năm 2019.

2. Tập trung đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 phục vụ cho Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Hoàn thành đúng tiến độ các nội dung theo kế hoạch, chương trình làm việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Chuẩn bị chu đáo các nội dung trình kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh khóa XI.

3. Thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động, quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, hiệu quả thực thi pháp luật và sự chỉ đạo, điều hành. Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Từng cấp, từng ngành, cơ quan, đơn vị tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, chủ động công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ.

4. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 724/CĐ-TTg về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ; Chỉ thị số 10/CT-TTg về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công văn số 1490/UBND-NC ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh; nội dung phát động của Chủ tịch UBND tỉnh tại Lễ phát động phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025”, phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh và kêu gọi các nhà hàng, cơ sở lưu trú không sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, tăng cường sử dụng các sản phẩm từ vật liệu thân thiện với môi trường, có khả năng tái chế, tái sử dụng.

5. Triển khai tích cực nhiệm vụ của Tổ công tác của UBND tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

6. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức hội, đoàn thể tiếp tục triển khai có hiệu quả việc củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động công tác đối ngoại nhân dân. Tập trung tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng, thực hiện

hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, triển khai thực hiện sâu rộng, có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua. Đồng thời tăng cường giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của các cấp chính quyền, nhất là trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư, chế độ, chính sách tại cơ sở.

II/ Lĩnh vực kinh tế:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, cùng các sở, ngành, địa phương, đơn vị khẩn trương triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, danh mục dự án đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

- Triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Khẩn trương triển khai xây dựng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tập trung triển khai các kế hoạch, chương trình hành động, đưa các giống cây trồng mới có giá trị cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên vào sản xuất để tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp; lựa chọn một số đề án trọng tâm, trọng điểm để thực hiện và nhân rộng. Tăng cường thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tích cực triển khai chương trình liên kết, kết nối giữa sản xuất - chế biến - kinh doanh. Triển khai kịp thời công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng nông sản; chủ động ứng phó bệnh dịch tả lợn Châu Phi, sâu keo mùa thu, khảm lá sắn, không để lây lan. Chuẩn bị tổ chức Ngày Cà phê Việt Nam lần thứ 3 tại tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm Luật Lâm nghiệp. Triển khai quyết liệt các biện pháp để đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch trồng rừng năm 2019. Hoàn thành việc bán đấu giá gỗ tích thu.

- Các ngành, địa phương chủ động triển khai các giải pháp phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong mùa mưa lũ; trong đó đặc biệt chú trọng việc kiểm soát an toàn hồ đập; kịp thời cảnh báo, đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng hạ du khi thực hiện xả lũ; phòng ngừa tai nạn đuối nước ở các sông, suối, hồ chứa, đập dâng.

3. Các sở, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số. Hoàn chỉnh hồ sơ xét, công nhận thị xã An Khê hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018. Xây dựng Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu. Tập trung các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Tổ chức Hội nghị kêu gọi doanh nghiệp hỗ trợ huyện điểm Kbang và triển khai đồng bộ các giải pháp, phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới vào năm 2020.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành, địa phương tăng cường công tác kiểm tra quản lý, sử dụng về đất đai, tài nguyên, khoáng sản và môi trường theo quy hoạch. Xây dựng bảng giá đất giai đoạn 2020-2024. Hoàn thành đúng tiến độ dự án tổng thể xây dựng hệ thống dữ liệu hồ sơ địa chính và cơ sở quản lý đất đai tỉnh. Quản lý chặt chẽ đất đai, nhất là đất các công ty nông, lâm nghiệp; đất sau cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; đất giao, cho thuê để triển khai các dự án. Sử dụng hợp lý tài nguyên nước. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Sở Công Thương phối hợp với các sở, ngành, địa phương cùng với các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ đầu tư, nâng cấp, sớm đưa các nhà máy mới đi vào hoạt động (các nhà máy điện mặt trời, điện gió). Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục khởi công Khu công nghiệp Nam Pleiku. Chỉ đạo các nhà máy thủy điện thực hiện điều tiết các hồ thủy điện một cách chặt chẽ, hợp lý.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có lợi thế của tỉnh, tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng qua chế biến, đảm bảo kim ngạch xuất khẩu đạt trên 500 triệu USD. Phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát, chống các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại.

7. Các, sở, ngành, địa phương, các chủ đầu tư tổ chức thực hiện nghiêm các chỉ đạo của các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 1042/CD-TTg ngày 21/8/2019 và của UBND tỉnh tại các công văn số 351/UBND-KTTH ngày 18/02/2019, 584/UBND-KTTH ngày 20/3/2019, 930/UBND-KTTH ngày 06/5/2019, 1527/UBND-KTTH ngày 9/7/2019, 1624/UBND-KTTH ngày 29/7/2019, 1876/UBND-KTTH ngày 27/8/2019, 2082/UBND-KTTH ngày 20/9/2019 và Thông báo số 107/TB-VP ngày 27/8/2019 để đẩy nhanh tiến độ dự án, giải ngân vốn đầu tư công; quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu trong việc tháo gỡ vướng mắc về thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các công trình, dự án trọng điểm như: Đường liên huyện Chư Păh - Ia Grai - Đức Cơ - Chư Prông, đường nội thị thành phố Pleiku, Kè suối Hội phú, Kè chống sạt lở bờ Tây sông Ayun, hệ thống thủy lợi Hồ chứa nước Plei Thơ Ga, thủy lợi Hồ Tàu Dầu,... Đến 30/9/2019, các chủ đầu tư có dự án có tỷ lệ giải ngân dưới 60% kế hoạch vốn và hết năm không giải ngân hết 100% vốn được giao thì người đứng đầu các sở, ngành, địa phương, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh.

- Đối với danh mục dự án khởi công mới năm 2020 phải hoàn thành các thủ tục, công tác giải phóng mặt bằng, dự toán thiết kế ngay trong tháng 10/2019.

- Đề nghị Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo, giám sát chính quyền triển khai thực hiện.

8. Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách nhà nước một cách chủ động, tích cực; xây dựng các giải pháp cụ thể để đẩy mạnh công tác thu ngân sách, phấn đấu thu ngân sách năm 2019 đạt trên 5.000 tỷ đồng. Thu hồi kịp thời các khoản sai phạm phát hiện qua kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; có giải pháp giảm nợ đọng thuế; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thu thuế, xử lý cán bộ sai phạm. Tiếp tục thực hiện triệt để tiết kiệm chi, nhất là các khoản chi thường xuyên, các khoản chi liên quan đến mua sắm, tăng dần tỷ trọng cho đầu tư; gắn việc bố trí các dự án, nhiệm vụ chi với khả năng cân đối nguồn lực. Đôn đốc quyết toán dự án hoàn thành.

9. Sở Giao thông vận tải nâng cao chất lượng công tác thẩm định, quản lý chất lượng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh. Tập trung vào công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, hành lang an toàn đường bộ. Phối hợp với các địa phương liên quan và chủ đầu tư chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai thực hiện dự án Quốc lộ 19 và 25; xử lý sự cố Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh Chư Sê.

III/ Lĩnh vực cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp, kinh tế tập thể:

1. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai đồng bộ, toàn diện kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh; Kế hoạch số 1512/KH-UBND ngày 08/7/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Rà soát các vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi và tập trung tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư. Đôn đốc các nhà đầu tư triển khai dự án đúng quy định.

- Thường xuyên rà soát, giải quyết hoặc đề xuất giải quyết các vướng mắc trong triển khai các dự án kêu gọi đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Thực hiện nghiêm Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai bộ chỉ số DDCI.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp. Tổ chức đối thoại doanh nghiệp.

3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính sau khi chuyển sang Bưu điện huyện để tiếp tục triển khai trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh chỉ đạo các ngân hàng thương mại tiếp tục triển khai việc thực hiện các chính sách tín dụng nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân, các chính sách ưu đãi về tái canh cây cà phê, tưới tiết kiệm nước, cho vay hỗ trợ nhà ở... Triển khai các giải pháp đơn giản hóa các thủ tục vay vốn, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh mức lãi suất phù hợp để người dân nghèo, nhất là người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp cận, vay vốn; không để các đối tượng lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân để cho vay với lãi suất cao.

5. Các sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm công văn số 1762/UBND-KTTH ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị triển khai các mô hình hợp tác xã kiểu mới, nông hội trên địa bàn tỉnh. Mỗi huyện, thị xã, thành phố lập thí điểm 01 mô hình hợp tác xã kiểu mới và nghiên cứu 01 mô hình nông hội.

IV/ Lĩnh vực văn hóa - xã hội:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương đổi mới của ngành về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, việc áp dụng chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”; tiếp tục tổ chức rà soát, sắp xếp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Trung ương, Tỉnh ủy; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học. Tăng cường quản lý, chỉ đạo việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh. Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng đông học sinh dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Triển khai có hiệu quả kế hoạch dạy học ngoại ngữ.

2. Sở Y tế tiếp tục chỉ đạo các đơn vị triển khai tốt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số. Chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, giám sát chặt chẽ tình hình sốt xuất huyết. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, cấp cứu; đặc biệt quan tâm đến công tác khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ

em dưới 6 tuổi. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ cho khám chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường công tác kiểm tra an toàn thực phẩm. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Huy động các nguồn lực đầu tư cho y tế xã để nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các địa phương tiếp tục thực hiện tốt công tác an sinh xã hội. Chủ động triển khai kế hoạch giảm nghèo năm 2019; tập trung đẩy nhanh giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019; nâng cao chất lượng đào tạo lao động, hỗ trợ giải quyết việc làm.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị; quản lý tốt các hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật; tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ. Kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể; tổ chức đăng ký di vật, cổ vật. Triển khai công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử Tây Sơn thượng đạo. Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, đổi mới hình thức, nội dung quảng bá du lịch để xây dựng và giới thiệu hình ảnh du lịch Gia Lai đến du khách trong và ngoài nước; triển khai các chính sách ưu đãi đầu tư du lịch, hỗ trợ hoạt động xúc tiến, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển du lịch cộng đồng. Tổ chức Hội nghị xúc tiến du lịch; tuần lễ Hoa Dã quỳ - Núi lửa Chư Đăng Ya 2019. Khuyến khích xã hội hóa, đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao cả ở phong trào và thành tích cao.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chú trọng hướng dẫn các đơn vị, địa phương phát huy vai trò khoa học - công nghệ, đảm bảo các đề tài nghiên cứu phải được áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Phối hợp các sở, ngành đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm của địa phương khi đáp ứng yêu cầu. Phối hợp tổ chức sự kiện “Trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ” và Hội nghị ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ địa phương năm 2019 tại tỉnh.

6. Sở Thông tin và Truyền thông nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí. Thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn; cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của trung ương, của tỉnh và những vấn đề dư luận quan tâm. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng, đưa tin bịa đặt, sai sự thật, kích động, gây bất ổn xã hội. Hoàn thiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”.

7. Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh; đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình. Tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh lần thứ III - năm 2019.

V/ Lĩnh vực nội chính:

1. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và các ngành, địa phương tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trung ương đứng chân trên địa bàn chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình, thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo vệ biên giới, phòng chống vượt biên, xâm nhập. Đẩy mạnh công tác đấu tranh, bóc gỡ, xử lý các đối tượng hoạt động phục hồi FULRO, “Tin lành Đêga”, các biện pháp giải quyết “tà đạo Hà Mòn”.

2. Thanh tra tỉnh và các sở, ngành, địa phương nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Tập trung rà soát, giải quyết các vụ khiếu kiện kéo dài, các tranh chấp, mâu thuẫn trong nội

bộ nhân dân, không để phát sinh điểm nóng. Yêu cầu các sở, ngành thực hiện đúng quy định về công tác tiếp dân thường xuyên.

Đề nghị cơ quan thi hành án tập trung rà soát, phân loại án dân sự, làm tốt công tác xác minh điều kiện thi hành án nhằm thi hành kịp thời các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực.

3. Sở Nội vụ và các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh việc tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Trung ương và Tỉnh ủy.

4. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, an ninh nông thôn, bảo vệ biên giới, trật tự an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ. Triển khai các giải pháp cụ thể để giảm thiểu phạm pháp hình sự, tội phạm giết người. Tiếp tục xử lý nghiêm tình trạng cho vay tín dụng đen diễn ra ở một số địa phương.

5. Các ngành, các địa phương triển khai toàn diện các giải pháp, huy động tối đa các lực lượng, thường xuyên tuần tra lưu động, kiểm soát, xử lý vi phạm, đảm bảo an toàn giao thông. Phần đầu kéo giảm tai nạn giao thông trong năm 2019 từ 5% trở lên đối với cả 3 tiêu chí so với năm 2018.

6. Chủ động kết nối với các tổ chức ngoại giao, tổ chức quốc tế; cung cấp, trao đổi thông tin quảng bá, giới thiệu tiềm năng, vận động, kêu gọi đầu tư nước ngoài vào tỉnh.

Nơi nhận:

- VPCP (Vụ Địa phương);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- T/T Tỉnh ủy; T/T HĐND tỉnh;
- T/T UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, Website, KTTH, CV các khối.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoàng



BÁO CÁO CHỈ TIÊU TỔNG HỢP KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH GIA LAI

Thực hiện 9 tháng đầu năm 2019 và dự ước cả năm 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cả năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm 2019	Ước TH cả năm 2019 so với	
							KH (%)	CK (%)
A	CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ							
	Giá trị SX Khu vực I (SS 2010)	Tỷ đồng	27,054.8	28,540.0		28,501.3	99.86	105.35
	Nông nghiệp	Tỷ đồng	26,434.8	27,910.0		27,921.5	100.04	105.62
	Tr.đó: Trồng trọt	Tỷ đồng	23,013.5	24,197.0		23,964.8	99.04	104.13
	Chăn nuôi	Tỷ đồng	3,297.5	3,580.0		3,827.1	106.90	116.06
	Dịch vụ	Tỷ đồng	123.7	133.0		129.6	97.41	104.73
	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	423.3	430.0		374.5	87.10	88.48
	Thủy sản	Tỷ đồng	196.7	200.0		205.3	102.67	104.39
A.1	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DTGT	Ha	535,364	536,137	514,752	531,805	99.19	99.34
	Tổng SLLT	Tấn	571,145	580,700	324,029	593,525	102.21	103.92
	Tr.đó: thóc	Tấn	362,073	360,700	153,079	373,025	103.42	103.02
I	Cây lương thực	Ha	120,883	122,700	110,066	120,730	98.39	99.87
1	Lúa cả năm	Ha	74,703.6	74,200.0	72,411.8	74,070.0	99.82	99.15
	NS	Tạ/ha	48.5	48.6	21.1	50.4	103.60	103.91
	SL	Tấn	362,072.6	360,700.0	153,079	373,025	103.42	103.02
	- Lúa đông xuân	Ha	25,333	25,000	25,620	25,620	102.48	101.13
	NS	Tạ/ha	57.5	58.0	59.7	59.7	103.02	103.94
	SL	Tấn	145,620	145,000	153,079	153,079	105.57	105.12
	- Lúa ruộng vụ mùa	Ha	39,890	40,100	37,768.2	38,860	96.91	97.42
	NS	Tạ/ha	50.6	50.4		52.8	104.81	104.25
	SL	Tấn	202,022	202,000		205,166	101.57	101.56
	- Lúa cạn vụ mùa	Ha	9,481	9,100	9,024	9,590	105.38	101.15
	NS	Tạ/ha	15.2	15.1		15.4	102.37	101.26
	SL	Tấn	14,431	13,700		14,780	107.88	102.42
2	Ngô cả năm	Ha	46,179	48,500	37,653.9	46,660	96.21	101.04
	NS	Tạ/ha	45.3	45.4	45.4	47.3	104.18	104.38
	SL	Tấn	209,072	220,000	170,950	220,500	100.23	105.47
II	Cây tinh bột có củ	Ha	71,331.2	67,600	76,302	79,110	117.03	110.91
1	Sắn cả năm	Ha	68,578.8	65,000.0	72,800	73,880.0	113.66	107.73
	NS	Tạ/ha	194.8	194.8		201.4	103.43	103.43
	SL	Tấn	1,335,612	1,266,000		1,488,270	117.56	111.43
2	Khoai lang	Ha	2,623.3	2,600	3,501	5,230	201.15	199.37
	NS	Tạ/ha	88.4	88.5	28.1	90.6	102.45	102.49
	SL	Tấn	23,197.2	23,000	9,825.9	47,400	206.09	204.34
III	Cây thực phẩm	Ha	46,769.1	46,770	47,705	51,050	109.15	109.15

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cả năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm 2019	Ước TH cả năm 2019 so với	
							KH (%)	CK (%)
1	Đậu các loại	Ha	19,774.8	19,770	18,105	21,430	108.40	108.37
	NS	Tạ/ha	7.4	7.5	7.5	7.5	99.86	100.93
	SL	Tấn	14,646.4	14,800	13,578.0	16,020	108.24	109.38
2	Rau các loại (có cả tre lấy măng)	Ha	26,994.3	27,000.0	29,600.0	29,620.0	109.70	109.73
	NS	Tạ/ha	137.1	137.8	142.2	142.2	103.17	103.65
	SL	Tấn	370,207	372,000	421,000	421,050	113.19	113.73
IV	Cây CNNN	Ha	48,390.6	50,250.0	41,951	42,185.0	83.95	87.18
1	Lạc cả năm	Ha	1,775	1,770	1,609	1,780	100.56	100.30
	NS	Tạ/ha	12.4	12.5	12.5	12.8	102.13	102.98
	SL	Tấn	2,207	2,220	2,011	2,280	102.70	103.29
2	Mè	Ha	2,349	2,350	2,600	2,600	110.64	110.69
	NS	Tạ/ha	4.8	5.2		4.8	91.12	98.34
	SL	Tấn	1,139	1,230		1,240	100.81	108.85
3	Thuốc lá	Ha	3,963	4,000	3,743	3,750	93.75	94.63
	NS	Tạ/ha	24.9	25.0	25.1	25.1	100.20	100.80
	SL	Tấn	9,849	10,000	9,394	9,394	93.94	95.38
4	Mía tổng số	Ha	40,049	42,130	34,000	34,055	80.83	85.03
	Trồng mới	Ha	9,537.8	10,000	5,582	6,000	60.00	62.91
	Thu hoạch	Ha	39,048	41,100		33,200	80.78	85.02
	NS	Tạ/ha	660.2	710.5		663.8	93.43	100.54
	SL	Tấn	2,577,791	2,920,000		2,203,670	75.47	85.49
V	Cây HN khác (gia vị, dược liệu, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...)	Ha	8,717.9	9,100	9,520	9,520	104.62	109.20
VI	Cây CNDN	Ha	230,417.7	230,617.0	217,369	217,370	94.26	94.34
1	Cao su tổng số	Ha	100,311	100,311	88,272	88,272	88.00	88.00
	Trồng mới	Ha	634	2,000			0.00	-
	Tái canh	Ha	634	2,000	106	107	5.35	16.88
	CSKTCB	Ha	23,546	22,296	11,854	11,852	53.16	50.34
	K.Doanh	Ha	74,765	76,015	76,312	76,313	100.39	102.07
	NS	Tạ/ha	13.5	14.4	14.6	14.6	101.40	108.11
	SL (mủ khô)	Tấn	100,969	109,450	111,417	111,417	101.80	110.35
2	Cà phê tổng số	Ha	94,900	94,900	97,070	97,070	102.29	102.29
	Trồng mới và tái canh	Ha	4,233	2,335	2,335	2,335	100.00	55.16
	CSKTCB	Ha	12,758	16,529	12,572	12,571	76.06	98.54
	K.Doanh	Ha	80,763	80,019	82,163	82,164	102.68	101.73
	NS	Tạ/ha	27.6	27.7	28.6	28.6	103.25	103.88
	SL (cà phê nhân)	Tấn	222,700	222,000	235,359	235,360	106.02	105.68
3	Điều tổng số	Ha	18,085	18,284	18,935	18,935	103.56	104.70
	Trồng mới	"	559	200	850.4	850.4	425.20	152.10
	CSKTCB	"	1,113	994	1,179	1,179	118.61	105.93
	K.Doanh	"	16,412	17,090	16,906	16,906	98.92	103.01

STT		ĐVT	Thực hiện cả năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm 2019	Ước TH cả năm 2019 so với	
							KH (%)	CK (%)
		Tạ/ha	8.6	8.5	8.7	8.7	102.03	100.72
		Tấn	14,106	14,500	14,634	14,635	100.93	103.75
4	Chè tổng số	Ha	844	844	844	844	100.00	100.00
	CSKTCB	"						
	K.Doanh	"	844	844	843	844	100.00	100.00
	NS	Tạ/ha	80.0	81.2	80.7	80.6	99.27	100.74
	SL (búp tươi)	Tấn	6,750	6,850	6,800	6,800	99.27	100.74
5	Cây tiêu	Ha	16,278	16,278	12,248	12,248	75.24	75.24
	Trồng mới	Ha	600		365	365		60.79
	K.Doanh	"	13,919	15,184	11,797	11,797	77.69	84.76
	NS	Tạ/ha	37.0	37.0	37.0	37.0	99.97	100.00
	SL	Tấn	51,499	56,200	43,649	43,650	77.67	84.76
VII	Cây ăn quả, cây dược liệu, cây lâu năm khác,...	Ha	8,855	9,100	11,840	11,840	130.11	133.71
A.2	CHĂN NUÔI							
-	Đàn trâu tổng số	Con	15,032	15,030	14,427	15,030	100.00	99.99
-	Đàn bò tổng số	Con	382,436	399,000	390,827	383,256	96.05	100.21
-	Đàn heo tổng số	Con	314,872	410,000	428,850	392,874	95.82	124.77
-	Sản phẩm CN							
	- Thịt trâu bò hơi	Tấn	33,930	17,600	13,028	34,599	196.59	101.97
	- Thịt heo hơi	Tấn	47,352	51,800	26,685	50,563	97.61	106.78
A.3	LÂM NGHIỆP							
I	Khai thác gỗ	1000m ³	119.3	100.0	76.0	100.0	100.00	83.79
II	Trồng rừng tập trung	Ha	5,304	5,015	1,882	4,441	88.56	83.74
II	Chăm sóc rừng:	Ha	6,467	14,197.0	14,197.0	14,197.0	100.00	219.55
IV	Khoán QLBV rừng	Ha	153,000	153,000.0	154,300.0	154,300.0	100.85	100.85
A.4	THỦY SẢN							
I	Tổng diện tích	Ha	14,410	14,410	13,900	14,410	100.00	100.00
1	- DT nuôi trồng	"	1,110	1,210	1,200	1,210	100.00	109.01
2	- DT khai thác tự nhiên	"	13,300	13,200	12,700	13,200	100.00	99.25
II	Tổng sản lượng	Tấn	6,020	6,300	3,370	6,350	100.79	105.48
1	- SL nuôi trồng	"	3,110	3,200	1,340	3,170	99.06	101.93
2	- SL Khai thác	"	2,910	3,100	2,030	3,180	102.58	109.28
A.5	Phát triển nông thôn							
	- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	Tiêu chí	12,7	14,24	13.48	14,91	104.71	117.40
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (số lũy kế)	Xã	60	72		72	104.71	117.40
	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (số lũy kế)	%	32.61	39.13		39.13		
B	NGÀNH CÔNG NGHIỆP							

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cả năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm 2019	Ước TH cả năm 2019 so với	
							KH (%)	CK (%)
I	Giá trị so sánh 2010 (GO)	Tỷ đồng	19,664.0	21,122.0	15,013.7	21,122.0	100.00	107.41
1	Công nghiệp khai thác	Tỷ đồng	178.0	184.0	107.0	160.0	86.96	89.89
2	Công nghiệp chế biến	Tỷ đồng	12,717.0	13,665.0	10,292.2	13,689.5	100.18	107.65
3	Công nghiệp SX và phân phối điện, nước, khí đốt...	Tỷ đồng	6,687.5	7,187.0	4,551.2	7,190.0	100.04	107.51
4	Công nghiệp cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	81.5	86.0	63.3	86.4	100.47	106.01
II	Sản phẩm chủ yếu							
1	Điện SX trên địa bàn	Tr. kwh	6,723	7,125	4,743	7,070	99.23	105.16
2	Sản phẩm cơ khí các loại	tấn	12,306	12,550	9,976	12,554	100.03	102.02
3	Gạch các loại	Tr.viên	230	230	190	230	100.00	100.00
4	Xi măng	tấn	6,339	6,500	64,521	84,000	1,292.31	1,325.13
5	Gỗ ván MDF	m3	63,268	65,000	39,440	52,489	80.75	82.96
6	Đường	tấn	319,219	322,000	158,893	200,893	62.39	62.93
7	Chè các loại	tấn	1,831	1,833	1,487	1,835	100.11	100.22
8	Tinh bột sắn	tấn	128,928	175,000	111,817	175,000	100.00	135.73
9	Phân vi sinh	tấn	29,836	30,000	22,215	30,000	100.00	100.55
10	Đá Granit	m2	1,375,015	1,380,000	1,032,381	1,380,000	100.00	100.36
11	Chế biến sữa	ngàn lít	14,910	24,000	15,826	24,000	100.00	160.97
C	NGÀNH DỊCH VỤ							
I	Tổng mức lưu chuyển HH bán lẻ trên địa bàn	Tỷ đồng	58,300	68,300	49,522	68,300	100.00	117.15
II	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Tr. USD	470.0	500	363.2	500	100.00	106.38
III	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	Tr. USD	90.0	90.0	68.5	90.0	100.00	100.00
IV	Ngân hàng							
1	Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	34,333	38,800	35,400	37,100	95.62	108.06
2	Tổng số dư nợ	Tỷ đồng	87,540	98,900	89,800	94,600	95.65	108.06
3	Trong đó nợ xấu/tổng số dư nợ	%	1.71	≤ 2%	3.25	<3		
V	Vận tải							
1	Doanh thu	Tỷ đồng	5,090	5,700	4,197	5,700	100.00	111.98
2	KL vận chuyển hàng hóa	Nghìn tấn	25,098	28,100	19,772	28,100	100.00	111.96
3	KL luân chuyển hàng hóa	Triệu tấn.Km	4,010	4,530	3,282	4,530	100.00	112.97
4	KL vận chuyển hành khách	Nghìn HK	20,410	22,300	17,074	22,300	100.00	109.26
5	KL luân chuyển hành khách	Triệu HK.Km	3,120	3,415	2,606	3,415	100.00	109.46

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cả năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm 2019	Ước TH cả năm 2019 so với	
							KH (%)	CK (%)
VI	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	4.508,50	4.905,00	3.306,40	5.000,00	101,94	110,90
VII	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	13.243,10	12.002,23	9.018,19	12.138,10	101,13	91,66
VIII	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tính	Tỷ đồng	22.500,0	26.000,0		26.000,0	100,00	115,56
E	CÁC CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI							
1	Dân số trung bình	1.000 người	1.458,539	1.478,620		1.519,874		
-	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,20	1,20		1,20		
2	Số lao động được tạo việc làm	1.000 người	25.130	25.200	19.650	25.200	100,00	100,28
	Trong đó: Thông qua xuất khẩu lao động	Người	1.430	1.400	1.175	1.400	100,00	97,90
3	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	49	52	-	52		
4	Giảm nghèo							
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3,3	2,50		3,00		
-	Số hộ nghèo	Hộ	34.873	26.500		26.366	99,49	75,61
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%	10,04	7,54		7,04		
-	Số hộ thoát khỏi nghèo trong năm	Hộ	13.165	11.120	-	11.257	101,23	85,51
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	88,00	88,5	88,40	88,5		
6	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc THCS	%	87,00	90,00	88,80	90,00		
7	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	36,80	42,00	41,71	42,00		
8	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	26,0	26,8	26,4	27,1	101,12	104,23
9	Số bác sỹ/vận dân	Bác sỹ	7,73	7,70	7,60	7,70	100,00	99,61
10	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	88,0	90,0	89,0	90,0		
11	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%	80,63	83,0	80,63	83,0		
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ liều	%	97,0	97,0	54,5	97,0		
13	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	88,7	89,0	90,1	89,0		
F	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG							
1	Tỷ lệ che phủ rừng (kể cả cây cao su)	%	46,35	46,45		46,45		
-	Trồng mới rừng	Ha	6.544	5.015	1.882,0	5.015	100,00	76,64
2	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%	99,00	99,00		99,00		
3	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%	93,20	93,80		93,80		



TỔNG HỢP KẾT QUẢ TRỒNG RỪNG NĂM 2019

TT	Đơn vị	Kế hoạch giao							Diện tích thực hiện						Tỷ lệ %
		Tổng diện tích (ha)	Trồng rừng sản xuất (ha)			Trồng rừng phòng hộ (ha)	Trồng rừng thay thế (ha)	Trồng cây phân tán (ha)	Tổng diện tích (ha)	Trồng rừng sản xuất (ha)			Trồng rừng PH, ĐD, TRTT (ha)	Trồng cây phân tán (ha)	
			Tổng	Thuộc DA hỗ trợ đầu tư	Không thuộc DA hỗ trợ đầu tư					Tổng	Thuộc DA hỗ trợ đầu tư	Không thuộc DA hỗ trợ đầu tư			
	Tổng cộng	5.015	3.727	2.000	1.727	195	93	1.000	1.881,9	1.232,4	459,4	773,0	314,4	335,2	37,5
1	UBND huyện Mang Yang	190	120	120				70	132,00	62,00	62,00			70,00	69,5
2	UBND huyện Đak Đoa	334	275	65,0	210,0			59	334,20	284,20	27,00	257,2		50,00	100,1
3	UBND huyện Ia Grai	160	100	100				60	83,10	17,40	17,40			65,70	51,9
4	UBND huyện Chư Prông	184	120	120				64	187,46	99,00	99,00			88,46	101,9
5	UBND huyện Đức Cơ	70	10	10				60	81,84	81,84	70,44	11,4			116,9
6	UBND huyện Chư Sê	125	65	65				60	0,00	0,00					0,0
7	UBND huyện Chư Pưh	240	180	140	40			60	20,00	20,00	20,00				8,3
8	UBND huyện Phú Thiện	120	60	60				60	20,00	20,00	20,00				16,7
9	UBND thị xã Ayun Pa	200	150	150				50	0,00	0,00					0,0
10	UBND huyện Krông Pa	170	100	100				70	0,00	0,00					0,0
11	UBND huyện Đak Pơ	260	200	200				60	116,60	116,60	116,60				44,8
12	UBND huyện Kông Chro	600	530	530				70	10,00	10,00		10,0			1,7
13	UBND huyện Kbang	65	0					65	0,00	0,00					0,0
14	UBND huyện Chư Păh	60	0					60	60,00	0,00				60,00	100,0
15	UBND huyện Ia Pa	115	45	45				70	0,00	0,00					0,0
16	UBND thị xã An Khê	50	0					50	0,00	0,00					0,0
17	UBND thành phố Pleiku	12	0					12	1,00	0,00				1,00	8,3
18	BQLRPH Mang Yang	30	0			30			30,00	0,00			30,0		100,0
19	BQLRPH Hà Ra	72	17		17	55			126,30	58,20		58,2	68,1		175,4
20	BQLRPH Ya Ly	93	0				93		93,80	0,00			93,8		100,9
21	BQLRPH Ia Meur	35	35	35					0,00	0,00					0,0
22	BQLRPH Ia Púch	30	0			30			30,00	0,00			30,0		100,0
23	BQLRPH Ia Rsai	40	40	40					0,00	0,00					0,0
24	BQLRPH Nam Phú Nhơn	50	50	50					27,00	27,00	27,00				54,0

25	BQLRPH Đăk Đoa	30	30	30					175,50	175,50		175,5		585,0
26	BQLRPH Chư Mố	40	40	40					0,00	0,00				0,0
27	BQLRPH Chư Sê	50	50	50					0,00	0,00				0,0
28	BQLRPH Bắc An Khê	50	50	50					0,00	0,00				0,0
29	BQLRPH Nam Sông Ba	50	0			50			0,00	0,00				0,0
30	BQLRPH Đông Bắc Chư Păh	30	0			30			0,00	0,00				0,0
31	BQLRPH Ia Grai	0	0						12,10	12,10		12,1		
32	BQLRPH Bắc Ia Grai	0	0						32,70	32,70		32,7		
33	Vườn Quốc Gia Kon Ka Kinh	0	0						24,00	0,00			24,0	
34	Trường THLN Tây Nguyên	0	0						27,70	0,00			27,7	
35	Trung tâm LNND	0	0						40,75	0,00			40,8	
36	CT TNHH MTV LN Ka Nak	26	26		26				0,00	0,00				0,0
37	CT TNHH MTV LN Sơ Pai	40	40		40				0,00	0,00				0,0
38	CT TNHH MTV LN Ia Pa	103	103		103				0,00	0,00				0,0
39	CT TNHH MTV LN Lơ Ku	104	104		104				0,00	0,00				0,0
40	CT TNHH MTV LN Kông Chro	155	155		155				60,00	60,00		60,0		38,7
41	CT TNHH MTV LN Kông Chiêng	200	200		200				110,00	110,00		110,0		55,0
42	CT MDF VINAFOR Gia Lai	182	182		182				45,87	45,87		45,9		25,2
43	Công ty TNHH TMDV Minh Phước	330	330		330				0,00	0,00				0,0
44	CTCP Ong mật Hoàng Huỳnh Khang	150	150		150				0,00	0,00				0,0
45	Công ty CP ĐT&XD Trường Thịnh	170	170		170				0,00	0,00				0,0



Phụ lục 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN ĐẾN NGÀY 30/9/2019 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Huyện, thị xã, thành phố	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2019						Thực hiện đến ngày 30/9/2019						% Thực hiện so với dự toán					
		Dự toán giao (kể cả tiền sử dụng đất)	Dự toán giao (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Gồm		Tổng thu NSNN (kể cả tiền sử dụng đất)	Tổng thu NSNN (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Gồm		% so với dự toán năm (kể cả tiền sử dụng đất)	% so với dự toán năm (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế (kể cả tiền sử dụng đất)	Thuế (không kể tiền sử dụng đất)	
						Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại					Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại						
A	B	1=2+3	1a=2+5	2	3=4+5	4	5	6=7+8	6a=7+10	7	8=9+10	9	10	11=6/1	11a=6a/1a	12=7/2	13=8/3	14=10/5	
1	Chư Sê	91.327	41.327	3.827	87.500	50.000	37.500	163.553	38.078	6.897	156.656	125.475	31.181	179,09%	92,14%	180,22%	179,04%	83,15%	
2	Chư Păh	30.265	19.265	2.465	27.800	11.000	16.800	44.632	17.700	2.565	42.067	26.932	15.136	147,47%	91,88%	104,05%	151,32%	90,09%	
3	Phủ Thiệt	25.072	21.572	2.572	22.500	3.500	19.000	26.218	17.389	2.805	23.413	8.829	14.584	104,57%	80,61%	109,07%	104,06%	76,76%	
4	la Grai	55.490	43.490	4.090	51.400	12.000	39.400	53.085	26.910	3.600	49.485	26.175	23.310	95,67%	61,88%	88,02%	96,27%	59,16%	
5	Krông Pa	31.984	22.984	3.384	28.600	9.000	19.600	29.146	23.065	3.469	25.677	6.081	19.596	91,13%	100,35%	102,51%	89,78%	99,98%	
6	laPa	11.365	10.365	1.865	9.500	1.000	8.500	10.341	9.398	1.365	8.976	943	8.033	90,99%	90,67%	73,19%	94,49%	94,51%	
7	An Khê	92.070	68.070	4.470	87.600	24.000	63.600	82.456	52.174	3.751	78.705	30.282	48.423	89,56%	76,65%	83,91%	89,85%	76,14%	
8	KBang	40.392	33.392	2.792	37.600	7.000	30.600	34.882	21.664	1.557	33.325	13.218	20.107	86,36%	64,88%	55,76%	88,63%	65,71%	
9	Mang Yang	25.769	18.769	1.969	23.800	7.000	16.800	21.580	16.435	3.738	17.843	5.145	12.698	83,75%	87,57%	189,84%	74,97%	75,58%	
10	AyunPa	71.941	65.441	2.941	69.000	6.500	62.500	56.005	50.025	3.143	52.862	5.980	46.882	77,85%	76,44%	106,86%	76,61%	75,01%	
11	Đăk Pơ	21.905	15.905	2.505	19.400	6.000	13.400	16.834	12.876	2.085	14.749	3.958	10.791	76,85%	80,96%	83,23%	76,03%	80,53%	
12	Đăk Đoa	57.924	38.924	3.324	54.600	19.000	35.600	43.622	28.031	3.138	40.484	15.591	24.892	75,31%	72,01%	94,41%	74,15%	69,92%	
13	Đức Cơ	51.361	28.361	3.161	48.200	23.000	25.200	37.287	21.162	2.450	34.837	16.125	18.712	72,60%	74,62%	77,51%	72,28%	74,25%	
14	Chư Prông	62.164	42.164	3.164	59.000	20.000	39.000	44.149	29.722	4.010	40.139	14.427	25.712	71,02%	70,49%	126,74%	68,03%	65,93%	
15	Kông Chro	27.258	23.258	2.558	24.700	4.000	20.700	17.937	14.966	1.772	16.165	2.971	13.194	65,80%	64,35%	69,27%	65,45%	63,74%	
16	Pleiku	1.153.065	624.065	11.465	1.141.600	529.000	612.600	649.061	411.415	9.193	639.868	237.646	402.222	56,29%	65,93%	80,18%	56,05%	65,66%	
17	Chư Pưh	39.030	16.030	2.830	36.200	23.000	13.200	21.227	12.829	1.800	19.427	8.398	11.029	54,39%	80,03%	63,60%	53,67%	83,55%	
18	Văn phòng Cục	2.828.300	2.828.300		2.828.300		2.828.300	1.788.701	1.788.701		1.788.701		1.788.701	63,24%	63,24%		63,24%	63,24%	
19	Đơn vị TW và tỉnh	188.318	188.318	188.318				165.655	165.655	165.655	-			87,97%	87,97%	87,97%			
	T.đó: XNK	76.000	76.000	76.000				23.000	23.000	23.000	-			30,26%	30,26%	30,26%			
	Tổng cộng	4.905.000	4.150.000	247.700	4.657.300	755.000	3.902.300	3.306.371	2.758.195	222.992	3.083.379	548.176	2.535.203						

**KẾT QUẢ CẤP GIẤY LẦN ĐẦU TÍNH ĐẾN 30/08/2019
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

QUÝ III. 2019					
STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	NHU CẦU CẦN CẤP	ĐÃ CẤP		TỶ LỆ %
			DIỆN TÍCH	SỐ GCN	
I	HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN	426.080,61	400912,61	811833	94,09
1	THÀNH PHỐ PLEIKU	16.132,69	15.398,01	135.327	95,45
2	THỊ XÃ AN KHÊ	11.392,42	10.208,44	22.345	89,61
3	THỊ XÃ AYUNPA	9.968,99	8.995,72	9.635	90,24
4	HUYỆN IA PA	17.030,22	16.274,91	66918	95,56
5	HUYỆN KRÔNG PA	30.283,68	26.114,06	21.888	86,23
6	HUYỆN PHÚ THIÊN	26.565,02	23.448,11	70.195	88,27
7	HUYỆN CHƯ SÊ	30.318,23	29.136,73	45.278	96,10
8	HUYỆN CHƯ PƯH	20.606,86	20.149,90	28.017	97,78
9	HUYỆN CHƯ PRÔNG	39.003,32	36.229,78	96697	92,89
10	HUYỆN ĐỨC CỜ	27.027,54	25.699,02	35.948	95,08
11	HUYỆN IA GRAI	37.237,89	36.208,58	44.612	97,24
12	HUYỆN CHƯ PĂH	29.528,09	28.178,29	57771	95,43
13	HUYỆN MANG YANG	32.893,21	32.412,16	46.251	98,54
14	HUYỆN ĐẮK PƠ	18.331,42	15.698,25	28.734	85,64
15	HUYỆN KBANG	30.407,51	25.531,60	39.397	83,96
16	HUYỆN KÔNG CHRO	17.322,43	15.151,82	14.046	87,47
17	HUYỆN ĐẮK ĐOÀ	36.131,09	36.077,22	48.774	99,85
II	ĐẤT TỔ CHỨC	598.812,18	598765,58	5958	99,99
TỔNG TOÀN TỈNH		1.024.892,79	999.678,19	817.791,00	97,54

**TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
CHIA THEO ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, TP PLEIKU**

STT	ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN	SỐ LƯỢNG DN THÀNH LẬP MỚI 2018	KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DN 2019	TÌNH HÌNH THÀNH LẬP MỚI 9 THÁNG 2019			
				THỰC HIỆN 9T/2018	ƯỚC THỰC HIỆN 9T/2019	TĂNG, GIẢM SO VỚI CÙNG KỲ	SO VỚI KẾ HOẠCH (%)
1	Thành phố Pleiku	460	540	303	380	125,4	70,4
2	Thị xã An Khê	44	50	32	26	81,3	52,0
3	Thị xã Ayun Pa	14	16	8	15	187,5	93,8
4	Huyện Chư Păh	16	20	10	11	110,0	55,0
5	Huyện Chư Prông	21	24	16	12	75,0	50,0
6	Huyện Chư Pưh	14	15	11	6	54,5	40,0
7	Huyện Chư Sê	40	48	33	46	139,4	95,8
8	Huyện Đak Đoa	26	30	17	18	105,9	60,0
9	Huyện Đak Pơ	12	14	7	8	114,3	57,1
10	Huyện Đức Cơ	22	25	15	13	86,7	52,0
11	Huyện Ia Grai	24	27	21	17	81,0	63,0
12	Huyện Ia Pa	10	11	4	6	150,0	54,5
13	Huyện Kbang	14	16	10	11	110,0	68,8
14	Huyện Kông Chro	12	14	7	8	114,3	57,1
15	Huyện Krông Pa	17	20	12	16	133,3	80,0
16	Huyện Mang Yang	14	16	11	10	90,9	62,5
17	Huyện Phú Thiện	12	14	6	7	116,7	50,0
TỔNG CỘNG		772	900	523	610	116,6	67,8